

Bản án số: 75/2024/DS-PT

Ngày: 30/5/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, ông Hoàng Quý Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 22/2024/DS-PT ngày 04/3/2024 về việc kiện Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐ-PT ngày 17/4/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Nghĩa L, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền: Bà Lê Thu H, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người được bà Nguyễn Thị B ủy quyền:

Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn ông Dương Nghĩa L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ năm 1976, ông H1 và bà B có vay tiền của ông, hai bên thỏa thuận, viết giấy vay tiền và thời hạn trả cụ thể như sau: Tổng số tiền nợ là 325.000.000 đồng, thỏa thuận trả làm 03 lần.

Lần 1 trả vào tháng 6/2022, số tiền: 125.000.000 đồng;

Lần 2: Trả vào tháng 12/2022, số tiền: 100.000.000 đồng;

Lần 3: Trả vào tháng 6/2023, số tiền: 100.000.000 đồng.

Sau đó, ông H1, bà B có chuyển khoản cho ông L được số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay ông H1, bà B còn nợ lại ông số tiền 295.000.000 đồng tiền gốc.

Ông L đã đi lại đòi rất nhiều lần nhưng ông H1, bà B không trả nên ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, yêu cầu ông H1, bà B trả số tiền gốc còn nợ là 295.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

2. Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người được ông Dương Nghĩa L ủy quyền, bà Lê Thu H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ông Dương Nghĩa L có cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị B vay tiền nhiều lần tổng cộng là 325.000.000 đồng. Do không đòi được nên ông L có làm đơn khởi kiện ông H1, bà B đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình. Tại Tòa án, ông H1, bà B có hứa trả số tiền trên cho ông L làm 4 lần, hạn cuối cùng vào tháng 6/2023. Tại Tòa án, ông H1, bà B có viết giấy biên nhận nợ ông L số tiền là 325.000.000 đồng.

Sau đó ông H1, bà B có chuyển khoản cho ông L được 30.000.000 đồng vào khoảng tháng 12/2022. Đến nay ông H1, bà B còn nợ lại ông L số tiền là 295.000.000 đồng tiền gốc. Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông H1, bà B phải trả lãi suất cho ông L theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2023.

3. Trong bản tự khai, ông Nguyễn Đình H1 khai: Ngày 23/12/2021, vợ chồng ông có viết giấy vay tiền của ông Dương Nghĩa L, trú tại: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên số tiền 325.000.000 đồng. Ông có hẹn với ông L đến tháng 6/2023 trả hết số tiền trên, nhưng do hiện nay vợ chồng ông gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả được cho ông L số tiền trên. Đến tháng 12/2022 ông có chuyển khoản trả cho ông L được 30.000.000đ, chỉ còn nợ ông L 295.000.000 đồng tiền gốc.

Nay ông L khởi kiện vợ chồng ông đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình yêu cầu ông phải trả cho ông L số tiền 295.000.000 đồng thì ông nhất trí trả cho ông L số tiền trên nhưng cho vợ chồng ông được trả dần, còn lãi suất thì xin ông L không tính nữa.

Toà án nhân dân huyện Phú Bình đã tiến hành giao các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 72 ngày 15/11/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 72 ngày 20/11/2023. Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 72 ngày 01/12/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48 ngày 12/12/2023 và các tài liệu chứng cứ do ông L nộp gồm 01 giấy vay tiền của ông Nguyễn Đình H1, bà Nguyễn Thị B với ông Dương Nghĩa L ngày 23/12/2021

(photo), 01 căn cước công dân của ông L (photo), 01 giấy ủy quyền của ông Dương Nghĩa L cho bà Lê Thu H (photo) cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị Bát .

Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho Ông Nguyễn Đình H1, bà Nguyễn Thị B đúng theo quy định của pháp luật để ông H1 và bà B đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông H1, bà B không đến tham gia các phiên họp do Tòa án chủ trì. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Vì vậy, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, 39, 147; Điều 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Nghĩa L; buộc ông Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Nghĩa L số tiền cả gốc và lãi là 325.090.000 đồng; trong đó số tiền gốc là 295.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh là 30.090.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H1, bà B không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình H1 vì là người cao tuổi;

- Bà Nguyễn Thị B phải nộp 8.127.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

- Ông Dương Nghĩa L được hoàn trả số tiền 8.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003603, ngày 15/11/2023 tại Chi cục THADS huyện P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/02/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo, đề nghị làm rõ nội dung giấy vay tiền đã được ông L lập và bắt ép ký không nhằm hợp thức khoản tiền ông L đã cho vợ chồng con trai bà B vay trước đó; Đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để điều tra hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông L.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn xác định không có kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nội dung kháng cáo bà B nằm viện không tham gia phiên toà sơ thẩm:

Ngày 14/12/2023 Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản giao giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/12/2023 cho ông Nguyễn Đình H1 là chồng bà B sống cùng địa chỉ. Ông H1 cam kết giao tận tay cho bà B.

Ngày 29/12/2023, bà B vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên toà lần thứ nhất và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào 7 giờ 30 phút ngày 17/01/2024. Ngày 02/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản giao giấy triệu tập cho bà B.

Ngày 10/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai của bà B, ý kiến của bà B xác định, do bà B đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện P nên không thể tham gia các phiên toà, xin được uỷ quyền cho chồng là ông Nguyễn Đình H1 toàn quyền thay mặt bà B giải quyết vụ án với ông L. Ngày 17/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên toà xét xử có mặt bị đơn ông H1, vắng mặt bà B.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà B khi bà B được triệu tập hợp lệ hai lần và bà B đã có ý kiến uỷ quyền cho ông H1 giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vay tiền:

Tại giấy vay tiền ngày 23/12/2021, giữa ông L với ông H1, bà B có thời hạn trả cụ thể như sau: Tổng số tiền nợ là 325.000.000 đồng, thỏa thuận trả làm 03 lần.

Lần 1 trả vào tháng 6/2022, số tiền: 125.000.000 đồng;

Lần 2: Trả vào tháng 12/2022, số tiền: 100.000.000 đồng;

Lần 3: Trả vào tháng 6/2023, số tiền: 100.000.000 đồng.

Sau đó, ông H1, bà B có chuyển khoản cho ông L được số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay ông H1, bà B còn nợ lại ông L số tiền 295.000.000 đồng tiền gốc. Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H1, bà B trả số tiền gốc 295.000.000 đồng là có căn cứ.

- Về khoản tiền lãi:

Trong giấy vay tiền các bên không thoả thuận về lãi suất cho vay, nhưng bên vay cho rằng vay có lãi. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Mức lãi suất theo quy định tại điều luật viên dẫn nêu trên là 0,83%/tháng. Toà án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất 0,85%/tháng là chưa chính xác.

Tuy nhiên, thời điểm trả nợ cuối cùng trong giấy vay tiền là tháng 6/2022, Toà án cấp sơ thẩm tính lãi từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2023 là có lợi cho bị đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không kháng cáo, chấp nhận mức lãi suất như Toà sơ thẩm tính. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên mức lãi suất theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Về nội dung kháng cáo đề nghị làm rõ nội dung giấy vay tiền đã được ông L lập và bắt ép ký không nhằm hợp thức khoản tiền ông L đã cho vợ chồng con trai bà B vay trước đó; Đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để điều tra hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông L.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà B không xuất trình được tài liệu chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Dương Nghĩa L số tiền cả gốc và lãi là 325.090.000 đồng; trong đó số tiền gốc là 295.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh là 30.090.000 đồng là có căn cứ, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên toà là có cơ sở, nên chấp nhận.

[5.] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 01/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003727 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Minh Tuân